

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI
TẠI HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
(HIGH-QUALITY UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR
INTERNATIONAL ECONOMICS MAJOR)**

*(Ban hành theo Quyết định số 414/QĐ-HVCSPT ngày 15 tháng 08 năm 2014
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52310106
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Cử nhân tốt nghiệp chương trình Chất lượng cao Kinh tế Đối ngoại có phẩm chất đạo đức tốt, được trang bị kiến thức cơ bản về chính trị - kinh tế - xã hội và những kiến thức chuyên sâu về Kinh tế Đối ngoại, có trình độ ngoại ngữ tốt, có khả năng sử dụng thuần thục Tiếng Anh trong các giao tiếp hàng ngày và công việc chuyên môn. Các kỹ năng để thực hiện tốt công việc của chuyên viên như: phân tích, lập kế hoạch, làm việc nhóm, tổ chức triển khai nhiệm vụ, kỹ năng đàm phán, giao tiếp cũng được chú trọng để sinh viên tốt nghiệp sớm hòa nhập với đơn vị tuyển dụng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Cử nhân Kinh tế Đối ngoại được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Kinh tế Đối ngoại dựa trên các khía cạnh:

- + Khía cạnh kinh tế học và kinh tế quốc tế: Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về kinh tế học và chuyên sâu về kinh tế quốc tế.
- + Khía cạnh quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh quốc tế: Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh và chuyên sâu về quản trị kinh doanh quốc tế.
- + Khía cạnh tài chính và tài chính quốc tế: Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về tài chính/kế toán và chuyên sâu về tài chính quốc tế.

- + **Khía cạnh nghiệp vụ:** Sinh viên được trang bị các kiến thức về các nghiệp vụ trong hoạt động ngoại thương (thuế, hải quan, logistics, thanh toán v.v.v).
- + Được trang bị một số kiến thức căn bản về các công cụ định lượng.

1.2.2. Mục tiêu kỹ năng: Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo. Được trang bị phương pháp và kỹ năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ ở các cấp học cao hơn và đáp ứng các công việc chuyên sâu khi đơn vị tuyển dụng yêu cầu.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: cử nhân tốt nghiệp ngành Kinh tế Đối ngoại có thể làm việc tại: khối/ban xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong và ngoài nước; khối/ban tài chính, quản lý ngoại hối và thanh toán quốc tế của các doanh nghiệp, quỹ đầu tư, ngân hàng trong và ngoài nước; các công ty có vốn đầu tư nước ngoài; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến quản lý các hoạt động ngoại thương/khu kinh tế/tài chính/đầu tư quốc tế ở cấp Trung ương đến địa phương; các tổ chức tài chính phát triển quốc tế (KOICA, JICA, World Bank, ADB); các trường đại học, viện nghiên cứu.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển theo từng thời kỳ.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	4 năm
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	130 - 150 tín chỉ
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy chương trình chất lượng cao
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
6. THANG ĐIỂM:	Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</i>	<i>22 tín chỉ</i>
<i>7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:</i>	<i>57 tín chỉ</i>
<i>7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:</i>	<i>12 tín chỉ</i>
<i>7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:</i>	<i>9 tín chỉ</i>
<i>7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương:</i>	<i>38 tín chỉ</i>
<i>7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
<i>Tổng số tín chỉ:</i>	<i>144 tín chỉ</i> <i>(không bao gồm GDTC, GDQP)</i>

8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ
1. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			22
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4
2	CLCKT20	Kế toán tài chính	3
3	CLCMR01	Marketing quốc tế	3
4	CLCTC22	Tài chính quốc tế	3
5	CLCTT05	Thanh toán quốc tế	3
6	CLCTH16	Thuế và hệ thống thuế	3
7	CLCTM04	Thương mại quốc tế	3
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			57
1	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2
2	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3
4	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3
5	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3
6	CLCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3
7	CLCMR24	Marketing căn bản	3
8	CLCKT21	Nguyên lý kế toán	3
9	LUQT03	Pháp luật kinh tế	4
10	CLCKD03	Quản trị Kinh doanh quốc tế	3
11	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	3
12	NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	6
13	NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	6
14	NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	6
15	NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	6
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			12
1	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3
2	CLCDT09	Đầu tư quốc tế	3
3	CLCQT30	Kế toán quản trị	3
4	CLCLV14	Logistic và vận tải quốc tế	3
5	CLCCU07	Quản trị chuỗi cung ứng	3
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			9
1	KHKT07	Kinh tế phát triển	3
2	CLCDT19	Nguyên lý đầu tư	3
3	CLCCL06	Quản trị chiến lược	3
4	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn TN)			6

1	QTKLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6
6. Giáo dục đại cương			38
1	THDL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
2	CLCHV12	Giới thiệu về hành vi tổ chức	3
3	CLCKD17	Giới thiệu về Kinh doanh	3
4	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3
5	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
7	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	3
8	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3
9	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
10	TOĐC06	Tin học đại cương	3
11	TOCC03	Toán cao cấp 1	3
12	TOCC04	Toán cao cấp 2	3
13	THTT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
7. Giáo dục quốc phòng			8
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8
8. Giáo dục thể chất			5
1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	1
2	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	1
3	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	1
4	GDTC04	Giáo dục thể chất 4	1
5	GDTC05	Giáo dục thể chất 5	1